

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS- ST
Ngày: 16/01/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Tiếp
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969

Địa chỉ: Kí ốt số 09 đường L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1995

HKTT: Số 88 Đ, phường Quả, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà Th, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Do có mối quan hệ dì cháu nên chị Lê Thị Phương T có vay của bà 04 lần tiền cụ thể như sau:

- Ngày 25/12/2021 chị T vay của bà Th số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất. Chị T đã nhận đủ tiền và hẹn sau 02 tháng sẽ trả số tiền gốc trên tức là ngày 25/02/2022.

- Ngày 29/12/2021 chị T vay của bà Th số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) hai bên không thỏa thuận lãi suất. Chị T đã nhận đủ tiền và hẹn sau 02 tháng sẽ trả số tiền gốc trên tức là ngày 25/02/2022.

- Ngày 15/11/2022 chị T vay của bà Th số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) , hai bên không thỏa thuận lãi suất. Chị Thảo đã nhận đủ tiền và hẹn sau 02 tháng sẽ trả số tiền gốc trên tức là ngày 15/01/2023.

- Ngày 11/6/2023 chị T tiếp tục vay của bà Th số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất. Chị T đã nhận đủ tiền và hẹn sau 05 ngày tức là đến ngày 16/6/2023 sẽ trả cho bà Th số tiền trên. Tổng 04 lần vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Khi vay chị T đều nói là vay tiền với mục đích là vay để nhập hàng máy móc và vàng để bán, có thời điểm thì nói là để đảo sổ ngân hàng. Đến hẹn bà Th có đòi nhiều lần nhưng chị T cứ khất hết lần này đến lần khác, cố tình lẩn tránh và cứ hỏi đi chờ để cháu tìm được người mua nhà cháu bán thì sẽ trả nợ cho dì. Nhưng đến nay chị T đã bán được nhà nhưng cũng không trả cho bà Th được đồng nào. Để đảm bảo quyền lợi của mình, bà Th làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết buộc chị Lê Thị Phương T phải trả cho bà Th số tiền gốc đã vay 04 lần là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là chị Lê Thị Phương T trình bày:

- Chị T có vay tiền của bà Th nhiều lần, trong đó ngày 25/12/2021 vay 200.000.000đ có trả lãi. Ngày 29/12/2021 vay bà Th số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Ngày 15/11/2022 chị T vay tiếp số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), chị T đã trả lãi theo thỏa thuận miệng giữa 2 bên. Đến ngày 11/6/2023 chị Th đã viết Giấy vay tiền bà Th, tổng cộng các lần vay còn nợ lại 480.000.000đ. Ngày 11/6/2023 chị T viết giấy hẹn sẽ trả 20.000.000đ vào ngày 16/6/2023. Tổng cộng chị T còn nợ bà Nguyễn Thị Th số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết buộc chị phải trả cho bà Th số tiền gốc đã vay 04 lần là 500.000.000đ, không yêu cầu về lãi suất. Chị T đề nghị bà Th cho chị được trả dần số tiền này, mỗi tháng trả 1.000.000đ (Một triệu đồng) vì hiện nay chị không có tiền để trả ngay cho bà Th được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ hai lần đối với bị đơn nhưng chị Thảo không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị Phương T phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa bàn thành phố Thanh Hóa. Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bị đơn trả tiền. Do đó đây là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Lê Thị Phương T vắng mặt tại phiên tòa, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt chị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Tại Giấy vay tiền ngày 11/6/2023 do chị T viết thể hiện nội dung chị T vay tiền của bà Th số tiền 480.000.000đ. Ngày 11/6/2023 chị T viết giấy hẹn sẽ trả 20.000.000 vào ngày 16/6/2023. Tổng cộng chị T còn nợ bà Nguyễn Thị Th số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Chị T đã ký vào các Giấy vay tiền này.

Tại biên bản hoà giải, chị T thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Th số tiền 500.000.000đ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, chưa có tiền để trả ngay cho bà Th được nên chị T xin được trả mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) nhưng bà Th không đồng ý với phương án trả nợ này vì số tiền trả là rất ít so với số tiền nợ.

Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định chị Lê Thị Phương T còn nợ bà Th số tiền 500.000.000đ, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th. Buộc chị T phải trả cho bà Th số tiền trên.

Do bà Th không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Th theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc chị Lê Thị Phương Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), không tính lãi suất.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Lê Thị Phương Thảo phải chịu 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Th toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2022/002756 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS - TP H;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh

